

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN CHẤN  
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2024

V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN TỈNH YÊN BÁI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Nguyễn T.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Dương Trung L.
- Bà Hoàng Thị Thanh T.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích T – Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa:** ông Hà Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2024/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số: 136/2024/DSST-TB ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Tân Thị P**, sinh năm 2003, trú tại: **Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Phan Thị Kim T** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Y**. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Triệu A C**, sinh năm 1993, trú tại: **Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị **Tân Thị P** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **P** và anh **Triệu A C** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) **xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu** ngày 27 tháng 4 năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại **thôn N, xã N, huyện V**, quá trình chung sống đến ngày 26/5/2022 nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh **C** thường xuyên đánh đập chị **P**, mâu thuẫn đã được cả hai gia đình hòa giải nhưng tình hình không

được cải thiện, từ ngày 03/7/2022 chị **P** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Lai Châu sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Đến nay chị **P** xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Triệu A C**.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn, Xác nhận thông tin cư trú của **Triệu A C**, bản sao căn cước công dân của chị **P** và anh **C**.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã triệu tập họp lệ bị đơn nhưng tại các buổi làm việc anh **C** đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Xác minh tại nơi cư trú của các đương sự về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **P** và anh **C** được trưởng thôn Nậm Pươi, xã **N** cung cấp thông tin: Quá tình chung sống tại địa phương vợ chồng anh **C** chị **P** có mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, chị **P** đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp theo quy định.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị **Tần Thị P** được ly hôn với anh **Triệu A C**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị **Tần Thị P** được ly hôn anh **Triệu A C**. Chị **Tần Thị P** phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh **Triệu A C**, trú tại **thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái**, vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho các đương sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị **Tần Thị P** và anh **Triệu A C** là vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại **UBND xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu**. Việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của LHNGĐ, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn xin ly hôn với lý do không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 03/7/2022 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay HĐXX thấy rằng: Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã xác minh nội dung trình bày của nguyên đơn về lý do xin ly hôn được trường thôn **Nậm P1, xã N** xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng anh **Triệu A C** và chị **Tần Thị P** có xảy ra mâu thuẫn, cả hai không còn quan tâm đến nhau. Như vậy trình bày của chị **P** về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh **C** là có cơ sở. Theo quy định của LHNGĐ thì nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, chị **P** và anh **C** có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, từ khi sống ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, nghĩa vụ vợ chồng không được thực hiện là đã vi phạm Điều 19 LHNGĐ. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Tần Thị P** và anh **Triệu A C** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 LHNGĐ xử cho chị **Tần Thị P** được ly hôn anh **Triệu A C** là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2 Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

2.3 Về tài sản chung và việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Chị **Tần Thị P** và anh **Triệu A C** được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[5] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Tần Thị P** được ly hôn với anh **Triệu A C**.

2. Về án phí: Chị **Tần Thị P** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2023/0000733 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, chị **P** đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Tần Thị P** và anh **Triệu A C** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn ;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã Pắc Ta;
- Người BVQLIHP;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lương Nguyễn Thắng**

